

Về cuộc “hôn nhân chính trị” GẦN 400 TRĂM TRƯỚC

Đỗ Kim Trường

Gần 400 năm trước, năm 1620, một cuộc hôn nhân đã mở đầu cho công cuộc mở đất vùng Nam bộ mà lịch sử gọi là “hôn nhân chính trị”.

Về vấn đề này, Phan Khoang là người đề cập đầu tiên. Trong *Việt sử: Xứ Đàng Trong 1558–1777*, ông viết: “Từ thế kỷ XVII, đã có nhiều người Việt đến hai xứ Đông Nai và Mũi Xuy của Chân Lạp, tức Biên Hòa, Bà Rịa ngày nay, để vỡ đất làm ruộng. Vua Chân Lạp Chey Chetta II muốn tìm một đối lực để chống lại lân bang Tiêm La nguy hiểm kia, đã xin cưới một công chúa Nguyễn, làm Hoàng hậu, trông

mong được ủng hộ của triều đình Thuận Hóa, và chúa Hy Tông, có mưu đồ xa xôi, năm 1620, đã gả cho vua Chân Lạp một công chúa⁽¹⁾. Ở phần chú thích cho đoạn sử trên, ông nói rõ: “Việc này, sử Việt Nam đương thời đều không chép, có lẽ các sử thần nhà Nguyễn cho là việc không đẹp nên giấu đi chăng? Nhưng nếu họ quan niệm như vậy thì không đúng, hôn nhân chính trị, nhiều nước đã dùng, còn ở Việt Nam, thì



Tượng công nữ Ngọc Vạn tại đền thờ Nam Phương Linh Từ ở Lấp Vò, Đồng Tháp. Ảnh: Đặng Ngọc Thi

chính sách ấy đã đem lại nhiều lợi ích quan trọng...⁽²⁾. Tác giả đã sử dụng thuật ngữ “hôn nhân chính trị” để chỉ tính chất của cuộc hôn nhân này. Thuật ngữ gồm hai thành tố “hôn nhân” và “chính trị”. “Hôn nhân” là “việc nam nữ chính thức lấy nhau làm vợ chồng⁽³⁾”. “Chính trị” gồm nhiều nghĩa, ở đây được hiểu: “(thường dùng phụ sau danh từ, trong một số tổ hợp) những hoạt động nhằm nâng cao giác ngộ chính trị cho quần chúng, tổ chức quần

chúng thực hiện một đường lối, những nhiệm vụ chính trị nhất định⁽⁴⁾. Tổng hợp nội hàm của hai thành tố trên có thể hiểu hôn nhân chính trị chỉ việc kết hôn nhằm thực hiện một đường lối, nhiệm vụ chính trị. “Chúa Hy Tông, có mưu đồ xa xôi, năm 1620, đã gả cho vua Chân Lạp một công chúa” trong sử liệu cho phép chấp nhận cách hiểu trên.

Trong đoạn dẫn của Phan Khoang, trước hết về danh xưng “công chúa” theo chúng tôi là chưa chính xác. Bởi vì lúc này (năm 1620) vương triều Nguyễn chưa xác lập nên con gái chúa không thể gọi như trên⁽⁵⁾. Theo chúng tôi danh xưng “hoàng nữ” thích

hợp hơn.

Vị hoàng nữ được gả cho vua Chân Lạp Chey Chetta II là con của chúa Hy Tông. Tra cứu *Đại Nam liệt truyện* mục *Truyện các công chúa*, ở tiểu mục *Các con gái Hy Tông Hoàng đế* thấy chép chúa có bốn hoàng nữ: Ngọc Liên, Ngọc Vạn, Ngọc Khoa và Ngọc Đình. Trong đó, Ngọc Liên được phối hôn cùng Phó tướng Nguyễn Phúc Vinh, Ngọc Đình gả cho Phó tướng Nguyễn Cửu Kiều. Còn lại Ngọc Vạn và Ngọc Khoa

sách chép “Không có truyện”⁶⁾ nghĩa là không rõ (hay không chép?) chuyện chồng con. Ở đây có hai vấn đề đặt ra. Một là, tại sao “không có truyện”? Nếu cả hai hoàng nữ nói trên chết từ nhỏ thì theo quy định phải chép là “Khuyết”⁷⁾. Có thể như ý kiến của Phan Khoang, do việc gả con chúa cho vua phiên là không môn đăng hộ đối (“không đẹp”) nên các sử thần triều Nguyễn giấu đi chẳng? Hay vì lý do nào khác (bí mật quốc gia, sách lược ngoại giao chẳng hạn?). Thứ hai, người về làm vợ vua Chân Lạp là ai? Phan Khoang cũng chưa xác định khi ông viết: “Vậy, người gả cho Chey Chetta II là Ngọc Vạn hoặc Ngọc Khoa”⁸⁾.

Về vấn đề thứ nhất, nếu cho rằng việc chúa Nguyễn gả hoàng nữ cho phiên vương là “việc không đẹp” thì chưa thỏa đáng. Bởi không phải đến thời Nguyễn mới có con gái vua Việt về làm vợ phiên vương, mà quan trọng hơn là những việc của họ làm sau đó cho quốc gia dân tộc. Quốc sử cho biết một sự kiện tiền lệ đã diễn ra ở thời Trần như sau: “Bính Ngọ, [Hưng Long] năm thứ 14 [1306], ...Mùa hạ, tháng 6, gả công chúa Huyền Trân cho chúa Chiêm thành Chế Mân.

Trước đây, Thượng hoàng vân du sang Chiêm Thành đã hứa gả rồi”⁹⁾.

Quyết định của Thượng hoàng Trần Nhân Tông gả con gái cho vua Chiêm có thể xem là cuộc hôn nhân chính trị đầu tiên trong sử Việt, để từ đó Đại Việt tiếp nhận hợp pháp hai châu Ô, Lý. Điều này là một quyết sách chính trị vì qua đó lãnh thổ Đại Việt được mở rộng, tình giao hảo Việt - Chiêm thêm thắt chặt và an ninh quốc gia phía Nam được củng cố, đặt cơ sở cho công cuộc mở đất về phương Nam ở các giai đoạn sau nên các sử thần Lê triều chép rõ trong *Toàn thư*. Từ sự kiện trên đối chiếu với ức đoán của Phan Khoang (“việc không đẹp nên giấu đi chẳng?”) là chưa phù hợp. Ở đây theo thiên ý, nên

hiểu vấn đề mang tính chính trị quốc gia, thuộc đường lối, nhiệm vụ chính trị của chúa Nguyễn.

Vấn đề thứ hai, Ngọc Vạn hay Ngọc Khoa làm hoàng hậu Chân Lạp? Sử triều Nguyễn không chép nên việc tìm hiểu gặp nhiều trở ngại, đúng như nhận định: “Sự thiếu hụt các nguồn sử liệu khiến việc nhận thức chi tiết, cụ thể hơn về quan hệ Chân Lạp – Đại Việt dưới thời Trần, Hồ, Lê Sơ và Nam – Bắc Triều gặp khá nhiều khó khăn nên điều cần thiết là phải khai thác triệt để hơn nữa các nguồn tư liệu bản địa, khu vực cũng như thông tin khoa học liên ngành để tiếp tục làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu”¹⁰⁾. Để tiếp tục tìm hiểu, nhiều công trình nghiên cứu của tập thể và cá nhân đã đưa ra kiến giải về vấn đề này.

Năm 1621, giáo sĩ Cristophoro Borri đã đến Đàng Trong và ghi chép trong tập hồi ký của mình một chi tiết như sau: “Tiệc tùng cũng khá thông thường giữa các lân bang với nhau, [...] Bởi vì họ có thói quen mời tiệc tất cả bạn bè, họ hàng lân bang, nên bao giờ bữa tiệc cũng có chừng ba mươi, bốn mươi, năm mươi người, có khi một trăm và tới hai trăm. Có lần tôi được mời dự một đám tiệc rất linh đình có tới gần hai, ba nghìn người”¹¹⁾. Và ở đoạn sau: “Ngoài ra chúa còn chuẩn bị vũ khí liên tục và mộ binh giúp vua Campuchia, cung cấp cho vua này thuyền chiến và quân binh để cầm cự với vua Xiêm...”¹²⁾. Từ hai chi tiết này, các dịch giả viết trong *Lời giới thiệu* cuốn sách: “Ông cũng nói về lực lượng của chúa Đàng Trong lúc đó, sự việc một công chúa Việt Nam kết hôn cùng vua Campuchia, và dĩ nhiên sự bang giao thân thiện giữa hai nước láng giềng, việc gửi phái đoàn ngoại giao tới nước bạn”¹³⁾. Mặc dù đọc hết tác phẩm không thấy viết như trên nhưng đám tiệc có đến “hai, ba nghìn người” phải chăng tác giả muốn nói hôn lễ của hoàng nữ chúa Nguyễn với vua Chey Chetta? Kết hợp việc

trợ giúp quân sự ở đoạn sau vì vậy mới có nội dung như *Lời giới thiệu* đã nêu. Ở đây tiếp tục xuất hiện một câu hỏi tại sao nguyên tác không nêu việc kết hôn mà bản dịch lại đề cập? Tra cứu trước tác của Phan Khoang nhận thấy ý sau liên quan đến vấn đề: “Sử Việt Nam không chép, nhưng theo các sử sách Cao Miên do các học giả Pháp biên soạn, thì quả Chey Chetta II năm 1620 có cưới một công nữ con chúa Nguyễn, Giáo sĩ Bori ở Đàng Trong trong thời gian ấy cũng có nói đến cuộc hôn nhân này”¹⁴⁾. Như vậy rõ ràng các dịch giả *Xứ Đàng Trong năm 1621* đã chịu ảnh hưởng từ tác giả *Việt sử Xứ Đàng Trong* khi viết lời giới thiệu.

Cả Phan Khoang và Phan Huy Lê đều không cụ thể tên vị hoàng nữ Việt. Tuy nhiên theo tác giả *Việt sử Xứ Đàng Trong*, qua các sử sách Cao Miên do các học giả Pháp biên soạn, Chey Chetta có cưới một hoàng nữ con chúa Nguyễn năm 1620. Người con gái đó là ai? Gần đây trong nhiều nghiên cứu, vấn đề đã được xác định, nhưng thiếu thống nhất:

Hội thảo khoa học “Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX” tại Thanh Hóa từ ngày 18 đến 19-10-2008, nhiều tham luận đã được trình bày liên quan đến vấn đề. Tiêu biểu là Phan Văn Hoàng, Nguyễn Quang Ngọc, Ngô Minh Oanh, Võ Văn Sen – Trần Nam Tiến, Nguyễn Đình Tư, Trần Thuận¹⁵⁾. Trong các tham luận của các tác giả trên, đều thống nhất chi tiết vị hoàng nữ con Chúa Nguyễn gả cho vua Chân Lạp Chey Chetta II là Ngọc Vạn. Riêng Phan Văn Hoàng ở phần kết của tham luận, cho biết: “Như vậy trong hai công nữ Ngọc Vạn và Ngọc Khoa, ai là hoàng hậu xứ Chùa Tháp, ai là phu nhân của thương gia Nhật Bản?

Trước đây, khá nhiều người cho rằng hoàng hậu Ang Cuv chính là công nữ Ngọc Vạn.

Nhóm biên soạn *Nguyễn Phúc tộc thế phả* (Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1995) thừa nhận như vậy. *Từ điển bách khoa Việt Nam* (Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2003, tập II, tr.125) cũng viết như vậy. Gần đây một số người lại cho rằng vợ của thương gia Araki Soutarou mới là công nữ Ngọc Vạn⁽¹⁶⁾. Để minh chứng, tác giả ghi trong chú thích ý kiến trên là của Vũ Minh Giang và Trịnh Tiến Thuận và kết luận: “Để nhớ ơn người phụ nữ đã đóng góp lớn vào công cuộc mở đất phương Nam, thiết nghĩ các nhà nghiên cứu lịch sử vẫn còn trách nhiệm tìm lời giải đáp cho câu hỏi nêu trên⁽¹⁷⁾”.

Lược sử vùng đất Nam bộ Việt Nam do Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam biên soạn, giai đoạn từ đầu thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XVIII, sách viết: “Năm 1620, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên gả con gái của mình là công chúa Ngọc Vạn cho quốc vương Chân Lạp Chey Chettha II làm hoàng hậu của vương triều Chân Lạp⁽¹⁸⁾”.

Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam bộ (từ khởi thủy đến năm 1945) do Trần Đức Cường chủ biên, ở Phần thứ hai: Vùng đất Nam bộ thời kỳ từ đầu thế kỷ XVII đến năm 1858, các tác giả viết: “Năm 1818, vua Chey Chettha II lên ngôi. Ngài liền cho xây cung điện ngay tại Oudon, rồi cử hành lễ cưới trọng thể với một nàng công chúa Việt Nam rất xinh đẹp là con chúa Nguyễn⁽¹⁹⁾”. Ở đây cần hiểu năm 1618 là năm lên ngôi, sau đó xây cung điện rồi cưới “công chúa Việt Nam”, chứ không phải thời gian trên là năm diễn ra hôn lễ. Và người con gái ấy được tác giả chú thích: “Công chúa Ngọc Vạn là con gái chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (ở ngôi 1613 – 1635)⁽²⁰⁾”.

Công cuộc mở đất Tây Nam bộ thời chúa Nguyễn, Đỗ Quỳnh Nga viết: “Sự kiện quan trọng có ý nghĩa mở đầu cho mối quan hệ chính thức giữa Chân Lạp và Đàng Trong, cũng như đối

với quá trình mở đất của chúa Nguyễn chính là cuộc hôn nhân ngoại giao giữa vua Chân Lạp là Chey Chettha II với công nương Ngọc Vạn – con gái của chúa Nguyễn Phúc Nguyên vào năm 1620⁽²¹⁾. Ở đây, tác giả dùng thuật ngữ “hôn nhân ngoại giao” thay vì “hôn nhân chính trị”.

Bộ thông sử *Lịch sử Việt Nam* do Viện Sử học biên soạn gồm 15 tập, ở tập 4: Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII, sách viết: “Năm 1620, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên đã đem công chúa Ngọc Vạn gả cho vua Chân Lạp...⁽²²⁾”. Tác giả cũng viết chú thích tương tự như của Phan Khoang (xem chú thích 16 ở trên).

Biên khảo *Biên Hòa sử lược toàn biên* của Lương Văn Lựu⁽²³⁾ và Trần Thuận trong *Nam bộ vài nét lịch sử - văn hóa*⁽²⁴⁾, các tác giả cũng trình bày tương tự. Riêng Trần Thuận ở phần chú thích cho biết chúa Nguyễn Phước Nguyên có 11 công tử và 4 công nữ. Trưởng nữ Ngọc Liên gả cho Phó tướng Nguyễn Phúc Vinh, công nữ Ngọc Vạn gả cho quốc vương Chân Lạp Chey Chetta II, công nữ Ngọc Khoa gả cho quốc vương Champa Pô Romê, công nữ Ngọc Đảnh (Đĩnh) gả cho Phó tướng Nguyễn Cửu Kiều và người con nuôi công nữ Ngọc Hoa gả cho thương gia người Nhật Bản tên là Araki Shutaro⁽²⁵⁾.

Tổng hợp các tài liệu đã dẫn, nhận thấy nội dung ghi thống nhất về thời gian cuộc hôn nhân, tên chúa Nguyễn, tên vua Chân Lạp (chỉ Lương Văn Lựu có sai biệt). Điều này chứng tỏ đây là sự thật lịch sử. Tuy nhiên, có sự chưa thống nhất ở chi tiết người về làm hoàng hậu vua Chey Chetta II là ai? Có 6 ý kiến thống nhất là hoàng nữ Ngọc Vạn; 1 không đồng ý (Phan Văn Hoàng); 1 cho rằng vợ thương gia Nhật Bản là hoàng nữ Ngọc Hoa (Trần Thuận); 1 cho đó là Ngọc Vạn (Phan Văn Hoàng). Qua đây chứng tỏ, mặc dù vấn đề đã được xác định nhưng vẫn còn chưa đồng thuận. Đây là hướng tiếp

tục cần nghiên cứu của giới sử học.

Sau khi về làm hoàng hậu Chân Lạp, Ngọc Vạn rất được nhà vua sủng ái. “Với tư cách này, bà luôn luôn hậu thuẫn cho người Việt làm ăn, sinh sống ở đất Chân Lạp. Có người được bà tiến cử cho giữ chức vụ hệ trọng trong triều. Bà lập xưởng thợ và nhiều nhà buôn ở gần kinh đô... Bà luôn luôn góp ý với nhà vua để mối bang giao tốt đẹp giữa hai nước Việt-Chân Lạp ngày càng được củng cố⁽²⁶⁾”.

Được sự bảo trợ của Ngọc Vạn, nhiều lớp cư dân Việt từ vùng Thuận-Quảng đã vào cộng cư với người Khmer bản địa, người Hoa, Chăm,... và cùng khai phá vùng đất mới ở lưu vực sông Đồng Nai, sau đó đến sông Cửu Long và hoàn thành công cuộc mở đất phương Nam vào năm 1757 như thực tế lịch sử đã diễn ra. ■

CHÚ THÍCH

1. Phan Khoang (2016), *Việt sử: Xứ Đàng Trong 1558 – 1777 (Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam)*, Nxb. Khoa học Xã hội và Sách Khai Tâm, tr.305 – 306.

2. Phan Khoang (2016), Sđd, tr.306.

3. Hoàng Phê (chủ biên) (1994), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục – Trung tâm Từ điển học, tr.445.

4. Hoàng Phê (chủ biên) (1994), Sđd, tr.158.

5. “Công chúa: Là danh xưng để gọi con gái của hoàng đế (vua) ... Các triều đại Việt Nam hết thấy đều dùng danh xưng này”. Xin xem: Bùi Thiết (2017), *Từ điển vua chúa Việt Nam*, Nxb. Dân trí – Cty TNHH Văn hóa Đông Tây, tr.209. Sử quan triều Nguyễn chép con gái các chúa thời Tiền biên là Hoàng nữ và con gái các vua thời Chính biên là Công chúa. Xin xem: Quốc sử quán triều Nguyễn (2013), *Đại Nam liệt truyện*, Tập 1 – 2, Nxb. Thuận Hóa, tr.56 – 62 và tr.208 – 213.

6. Xin xem: Quốc sử quán triều Nguyễn (2013), *Đại Nam liệt*

truyện, Tập 1 – 2, Sdd, tr.57.

7. Vĩ như các con Hiến Tông hoàng đế, các hoàng tử thứ 6, 35, 36: Khuyết. Xin xem: Quốc sử quán triều Nguyễn (2013), *Đại Nam liệt truyện*, Tập 1 – 2, Nxb. Sdd, tr.41 và tr.46.

8. Phan Khoang (2016), Sdd, tr.306.

9. Ngô Sĩ Liên (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Nxb. Khoa học Xã hội, tr.96. Cũng xin nói thêm, trước đó công chúa An Tư năm 1285 sang làm vợ Thoát Hoan là một vấn đề khác, chúng tôi sẽ đề cập trong một dịp khác.

10. Phan Huy Lê (chủ biên) (2017), *Vùng đất Nam bộ - Quá trình hình thành và phát triển*, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr.379. Cũng xin nói thêm, ở phần Tổng quan của bộ sách trên, các tác giả đã rất thận trọng khi viết: “Từ đầu thập kỷ 20 của thế kỷ XVII, do chính sách khuyến khích của chúa Nguyễn, lại được sự bảo trợ của hoàng hậu vương triều Chey Chetta II của Chân Lạp, lưu dân người Việt tìm đến khai phá vùng đất này ngày một đông...”. Ở đây, vẫn chưa nêu tên vị hoàng nữ Việt - hoàng hậu Chân Lạp. Sdd, tr.470.

11. Cristophoro Borri (2014), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr.61.

12. Cristophoro Borri (2014), Sdd, tr.84.

13. Cristophoro Borri (2014), Sdd, tr.8.

14. Phan Khoang (2016), Sdd, tr.306.

15. Xin xem: Phan Văn Hoàng, *Đóng góp của một công nữ họ Nguyễn vào công cuộc mở đất phương Nam trong thế kỷ XVII*, tr.90 – 101; Nguyễn Quang Ngọc, *Nguyễn Phúc Nguyên: Vị Chúa của những kỳ công mở cõi đầu thế kỷ XVII*, tr.137 – 147; Ngô Minh Oanh, *Nhìn lại hệ thống đối sách của các chúa Nguyễn với Chân Lạp và Xiêm trong quá trình khai phá, xác lập chủ quyền ở vùng đất Nam bộ thế kỷ XVI – XVIII*, tr.176 – 182; Võ Văn Sen – Trần Nam Tiến, *Văn hóa chính trị của các*

chúa Nguyễn trong việc mở mang lãnh thổ Đàng Trong, tr.187 – 196; Nguyễn Đình Tư, *Công chúa Ngọc Vạn với vùng đất Nam bộ*, tr. 197 – 201; Trần Thuận, *Cuộc nhân duyên giữa công nữ Ngọc Vạn với quốc vương Chân Lạp đôi điều suy ngẫm*, tr.209 – 213. Trong: Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa – Hội Khoa học lịch sử Việt Nam (2008), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, Nxb. Thế Giới. Sau đây xin gọi tắt Kỷ yếu Hội thảo chúa Nguyễn ...

16. Phan Văn Hoàng, “Đóng góp của một công nữ họ Nguyễn vào công cuộc mở đất phương Nam trong thế kỷ XVII”, trong: *Kỷ yếu Hội thảo Chúa Nguyễn...*, Sdd, tr.101.

17. Xin xem chú thích 3, trong: *Kỷ yếu Hội thảo Chúa Nguyễn...*, Sdd, tr.101.

18. Hội Khoa học lịch sử Việt Nam (2006), *Lược sử vùng đất Nam bộ Việt Nam*, Nxb. Thế Giới, tr. 27.

19. Trần Đức Cường (chủ biên) (2016), *Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam bộ (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb. Khoa học Xã hội, tr.128.

20. Trần Đức Cường (chủ biên) (2016), Sdd, Chú thích 1, tr.128.

21. Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam bộ thời chúa Nguyễn*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr.50.

22. Trần Thị Vinh (chủ biên) (2017), *Lịch sử Việt Nam, Tập 4*, Nxb. Khoa học Xã hội, tr.145.

23. Lương Văn Lựu (2015), *Biên Hòa sử lược toàn biên*, Nxb. Thế Giới – Alpha Books, tr.24 – 25.

24. Trần Thuận (2014), *Nam bộ vài nét lịch sử - văn hóa*, Nxb. Văn hóa – Văn nghệ, tr.99.

25. Xin xem: Trần Thuận, (2014), Sdd, tr.98.

26. Xin xem: Phan Đăng Thanh, “Vài khía cạnh hành chính-pháp lý trong quá trình thu nhận và quản lý bước đầu vùng đất Gia Định”, trong: *Kỷ yếu Nam bộ và Nam Trung bộ những vấn đề lịch sử thế kỷ XVII - XIX*. Trường ĐHSPTPHCM tổ chức, tháng 5-2002, tr.155.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Khoang (2016), *Việt sử: Xứ Đàng Trong 1558 – 1777 (Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam)*, Nxb. Khoa học Xã hội và Sách Khai Tâm.

2. Hoàng Phê (chủ biên) (1994), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Giáo Dục – Trung tâm Từ điển học.

3. Bùi Thiết (2017), *Từ điển vua chúa Việt Nam*, Nxb. Dân Trí – Cty TNHH Văn Hóa Đông Tây.

4. Quốc sử quán triều Nguyễn (2013), *Đại Nam liệt truyện*, tập 1 – 2, Nxb. Thuận Hóa.

5. Ngô Sĩ Liên (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Nxb. Khoa học Xã hội.

6. Phan Huy Lê (chủ biên) (2017), *Vùng đất Nam bộ - Quá trình hình thành và phát triển*, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

7. Cristophoro Borri (2014), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa – Hội Khoa học lịch sử Việt Nam (2008), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, Nxb. Thế Giới.

9. Hội Khoa học lịch sử Việt Nam (2006), *Lược sử vùng đất Nam bộ Việt Nam*, Nxb. Thế Giới.

10. Trần Đức Cường (chủ biên) (2016), *Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam bộ (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb. Khoa học Xã hội.

11. Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam bộ thời chúa Nguyễn*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

12. Trần Thị Vinh (chủ biên) (2017), *Lịch sử Việt Nam, Tập 4*, Nxb. Khoa học Xã hội.

13. Lương Văn Lựu (2015), *Biên Hòa sử lược toàn biên*, Nxb. Thế Giới – Alpha books.

14. Trần Thuận (2014), *Nam bộ vài nét lịch sử - văn hóa*, Nxb. Văn hóa – Văn nghệ.

15. *Kỷ yếu Nam bộ và Nam Trung bộ những vấn đề lịch sử thế kỷ XVII - XIX*. Trường ĐHSPTPHCM tổ chức, tháng 5-2002.